

# XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH DÂN SỐ QUỐC GIA

LƯƠNG XUÂN QUỲ

## 1. Vấn đề bên trong những con số

1.1. Theo ước tính của chúng tôi, số dân nước ta hiện nay khoảng 69.000.000 người. Việt Nam đã trở thành nước đông dân thứ 12 trên thế giới.

Nếu chỉ nhìn qua con số nói trên thì chưa thể thấy hết tính bức xúc, gay gắt của vấn đề dân số ở nước ta. Trong nghiên cứu kinh tế xã hội, đặc biệt là khi phân tích, so sánh mức sống của các quốc gia, người ta thường sử dụng các chỉ tiêu bình quân đầu người, tức là "đưa lên bàn cân" một bên là "số dân", một bên là các chỉ tiêu phản ánh các nguồn tài nguyên, của cải của đất nước. Như vậy, "số dân" luôn luôn là một vấn đề tính toán (thường là mẫu số), để so sánh. Trước hết, so sánh số dân với diện tích lãnh thổ cho thấy mật độ dân số nước ta đã lên đến khoảng 208 người/km<sup>2</sup>. Theo tính toán của các nhà khoa học, trong điều kiện kinh tế kỹ thuật hiện nay, để bảo đảm cuộc sống bình thường mật độ dân số chỉ vào khoảng 35- 40 người/km<sup>2</sup> (<sup>1</sup>). Như vậy là hiện nay chứ không phải trong tương lai xa xôi, mật độ dân số nước ta đã *cao cấp 5 lần "mật độ chuẩn"*. Là nước nông nghiệp, nhưng diện tích đất canh tác chỉ có 0,11 ha/người. Trong khi đó ở Tây Âu công nghiệp đã phát triển, chỉ tiêu này vẫn còn giữ được mức 2,17 ha/người, *nhều hơn ta khoảng 20 lần*. Đối với tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người, Việt Nam mới vào khoảng 200 Usd/người, trong khi đó ở các nước công nghiệp phát triển chỉ tiêu này là 15.000 USD, tức là *hơn ta 75 lần*, có một số nước hơn ta đến hơn 100 lần (<sup>2</sup>). Rõ ràng, chẳng những về đất đai mà cả về mức sống nước ta đang ở trong tình trạng *nghèo tuyệt đối (mức sống rất thấp)* và *nghèo tương đối* (so sánh với các nước khác).

1. 2. Điều đáng chú ý là số dân nước ta đã và vẫn đang tăng lên mau chóng

*Bảng 1: Sự Phát triển dân số Việt Nam giai đoạn 1921 - 1990.*

Năm	Số dân (Triệu người)	Số dân tăng thêm sau 10 năm (triệu người)
1921	17.5	2.2
1931	17.7	2.2
1941	20.9	3.2
1951	23.1	2.2
1955	25.1	-
1965	35.0	9.9
1975	47.6	12.6
1985	59.9	12.3
1990	66.7	-
1995	73.4	13.5

Bảng 1 cho thấy, sau 70 năm (1921-1990), số dân nước ta tăng 4,3 lần (trong khi đó thế giới chỉ tăng 2,9 lần). Về số tuyệt đối, giai đoạn này số dân tăng thêm 52,2 triệu nhưng 35 năm đầu (1921 - 1955) chỉ tăng thêm 9,6 triệu, còn 35 năm cuối (1955-1990) tăng thêm 41,6 triệu. Mỗi thập kỷ của giai đoạn (1921-1951) số dân chỉ

<sup>1</sup> *Những quy luật địa lý chung của trái đất*. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1978, trang 310.

<sup>2</sup> *World tables*, 1990. World Bank

tăng thêm 2-3 triệu còn giai đoạn sau (1955-1990) mặc dù công tác kế hoạch hóa gia đình tốt hơn song mỗi thập kỷ lại tăng thêm trên 10 triệu.

Điều này cho thấy số dân nước ta đã đạt *quy mô to lớn đến mức: dù tốc độ tăng dân số có giảm xuống 1,4% đến 1,5% thì hàng năm số dân vẫn tăng thêm một triệu người* (số dân tăng thêm hàng năm:  $P = r.P_0$ ; trong đó  $r$  = tỷ lệ tăng dân số hàng năm;  $P_0$  là dân số đầu năm. Như vậy, dù  $r$  nhỏ, nhưng  $P_0$  lớn thì  $P$  vẫn lớn). Nếu tốc độ tăng dân số là 2,2% như hiện nay thì mỗi năm, nước ta tăng thêm 1,5 triệu người và cứ sau khoảng 32 năm, số dân lại tăng gấp đôi.

1.3. Tình hình này rõ ràng làm giảm nhanh diện tích đất canh tác bình quân đầu người, vốn đã rất thấp ở Việt Nam. *Nếu giữ nguyên quỹ đất canh tác thì sau khoảng 32 năm, do dân số tăng 2 lần chỉ tiêu đất canh tác bình quân cũng đã giảm 2 lần.*

Song "quỹ đất canh tác" lại không thể "giữ nguyên" được. Do chưa phải là nước công nghiệp hóa nên Việt Nam vẫn còn "nợ" khoản đất cho công nghiệp mà hiện nay ta đang phải "trả" ở mức 7 vạn ha/năm.

Như vậy là "tử số" - diện tích đất canh tác, giảm đi, "mẫu số" - số dân, tăng lên đã làm diện tích canh tác bình quân đầu người giảm xuống nhanh chóng. Đây cũng là một lý do của tình trạng bình quân lương thực đầu người ở Việt Nam tăng không đáng kể suốt một thời kỳ dài, mặc dù năng suất cây lương thực tăng nhanh và đạt mức khá trong khu vực. Tổng quát hơn, nếu xét chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc dân (GNP), ta thấy rằng: chỉ tiêu này và số dân giai đoạn 1986 - 1989 tăng song song và xấp xỉ nhau vì vậy GNP bình quân đầu người tăng không đáng kể: 1,4% năm. Nếu kéo dài tình trạng đó thì phải mất 50 năm chỉ tiêu này mới tăng gấp đôi. Còn nếu đến năm 2000, GNP tăng 2,5 lần thì do số dân tăng lên, bình quân đầu người cũng chỉ ở mức 400 USD (gấp đôi hiện nay) nghĩa là vẫn ở mức "nước nghèo và kém phát triển". Do dân số tăng nhanh, việc thoát khỏi tình trạng "nghèo tương đối" càng ngày càng ít hy vọng. Thật vậy, hiện nay ở các nước công nghiệp phát triển dân số ngừng tăng, còn ở nước ta, như đã trình bày dân số tăng gấp đôi sau 32 năm. Do đó sau khoảng thời gian này, chỉ riêng yếu tố "gấp đôi số dân", đã làm GNP bình quân đầu người của nước ta, từ chỗ thua kém các nước phát triển 75 lần đến chỗ thua kém 150 lần (với giả thiết tốc độ tăng GNP của ta ngang bằng các nước phát triển). Sự yếu kém về kinh tế lâu dài đã dẫn đến "triệu chứng suy thoái nòi giống: 51,5% trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng. Thử lực thiếu niên Việt Nam từ 1943 có xu hướng giảm"<sup>3</sup>).

Đối với nước ta hiện nay số dân tăng nhanh chẳng những kìm hãm mạnh xu hướng nâng cao dần GNP bình quân, đẩy nhanh sự giảm sút diện tích canh tác bình quân đầu người mà còn tàn phá môi trường, gây nên sức ép mạnh mẽ đối với việc giải quyết các vấn đề y tế giáo dục, đặc biệt là vấn đề việc làm - bài toán kinh tế - xã hội lớn nhất trong thập kỷ này.

## 2. Bàn về chính sách dân số ở nước ta

### 2.1. Thế nào là chính sách dân số?

Sự tác động toàn diện của yếu tố dân số lên đời sống kinh tế xã hội, môi trường, trong đó có gây ra những hậu quả tiêu cực, lẽ tự nhiên, đã dẫn đến ý tưởng chủ động tác động vào các quá trình dân số, nhằm tạo ra sự cân bằng giữa các phân hệ này.

Từ năm 1960, ở nước ta, ý tưởng này đã thể hiện thành cuộc vận động "sinh đẻ có kế hoạch". Cùng với sự phát triển dân số và hậu quả của nó, cuộc vận động ngày càng thu hút sự quan tâm của các giới lãnh đạo, khoa học, sự hưởng ứng của nhân dân, nội dung, biện pháp của nó cũng ngày càng phong phú.

Gần đây, thuật ngữ "chính sách dân số" nhằm chỉ một công cụ quản lý sự phát triển dân số quốc gia, được sử dụng rộng rãi. Các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng: *Chính sách dân số là hệ thống các biện pháp (kinh tế - xã hội, tuyên truyền giáo dục, hành chính - pháp luật, tổ chức - kỹ thuật) mà Nhà nước tiến hành nhằm đạt được các mục tiêu dân số để ra một cách có ý thức, có cơ sở khoa học.*

<sup>3</sup> Tạp chí Cộng sản, số 11/1990, trang 45

Như vậy, chính sách dân số phải có:

a) *Tính mục đích*: Phản ánh mục tiêu của hệ thống các biện pháp tác động đến ý thức và hành vi dân số. Các kết quả của sự thay đổi trạng thái dân số mang tính chủ động, có kế hoạch.

b) *Tính hệ thống*: Phản ánh quan hệ mật thiết giữa mục tiêu và giải pháp, hơn nữa các giải pháp của nó không riêng rẽ mà mang tính đồng bộ, hệ thống.

c) *Tính thiết chế*. Chính sách do Nhà nước soạn thảo và tiến hành.

Song còn xa mới có sự thống nhất khi trả lời hai câu hỏi mục tiêu của chính sách dân số là gì? Và sử dụng những biện pháp nào để đạt các mục tiêu đó?

## 2.2. Về mục tiêu của chính sách dân số

Hiện nay phần lớn các tác giả hiểu mục tiêu của chính sách dân số rất rộng, nó bao gồm các mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội và ít nhất cũng được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu có thể định lượng như về giảm tỷ lệ phát triển tự nhiên dân số, mức chết, di dân, đô thị hoá, việc làm, giáo dục. Ngoài ra còn có các mục tiêu định tính như Hòa bình, Tự do, Công lý<sup>(4)</sup>... Rõ ràng ở đây đã có sự đánh đồng chính sách dân số nói riêng và các chính sách kinh tế - xã hội nói chung. Điều này đã gây khó khăn trong việc xây dựng nội dung, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của chính sách dân số.

Nói đến dân số, trước hết là nói đến quy mô và cơ cấu tuổi, giới tính của nó. Song quy mô và cơ cấu thay đổi liên tục do tác động của các quá trình sinh và chết, gọi chung là quá trình tái sản xuất dân số. Cường độ của quá trình này phụ thuộc vào tri thức, thái độ chấp nhận, hành vi của người dân trong lĩnh vực tái sản xuất dân số.

Do đó, theo chúng tôi, mục tiêu sâu xa của chính sách dân số là nhằm thay đổi quy mô, cấu trúc tuổi - giới tính, nhưng thể hiện trực tiếp bằng việc giảm mức sinh, mức chết và nâng cao dân trí về tái sản xuất dân số. Có thể cụ thể hóa các mục tiêu này bằng các chỉ tiêu như *giảm*: số con của cặp vợ chồng, tổng tỷ suất sinh, tỷ suất sinh thô, tỷ lệ tử yếu, tỷ suất tăng tự nhiên, đồng thời *nâng cao*: tỷ lệ số dân được tuyên truyền, giáo dục về sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, tỷ lệ chấp nhận các biện pháp tránh thai. Các mục tiêu của chính sách dân số không phải là bất biến trong mọi giai đoạn và như nhau trong một giai đoạn nào đó. Cần sắp xếp thứ tự ưu tiên để có thể tập trung phương tiện, nhân lực, chỉ đạo cho một số mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng nhất trong thời kỳ. Dân số không phải là một hệ thống "tự trị" độc lập. Nó tồn tại trong môi trường tự nhiên và môi trường kinh tế xã hội. Đặc biệt, các phần tử của hệ thống dân số cũng chính là phần tử của hệ thống kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, tất nhiên hệ thống dân số có mối quan hệ mật thiết với môi trường xã hội.

Vì môi trường của hệ thống dân số lại là các hệ thống kinh tế - xã hội nên các hệ thống này cũng có các mục tiêu riêng, không thể gắn mục tiêu của môi trường kinh tế - xã hội như: hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp, phổ cập cấp I, nâng cao mức sống toàn dân, hòa bình, tự do, công lý... làm mục tiêu của chính sách dân số. Mặc dù thực hiện được các mục tiêu của hệ thống kinh tế - xã hội, tức là làm biến đổi môi trường của hệ thống dân số sẽ làm thay đổi ý thức, hành vi dân số của người dân. Nhưng chính sách dân số phải nhằm vào bản thân hệ thống dân số chứ không phải nhằm vào sự cải thiện môi trường của hệ thống. Sự liên hệ giữa hệ thống dân số và môi trường của nó đòi hỏi sự phối hợp giữa các chính sách, sự nhanh nhạy trong việc phát hiện những chính sách cải biến môi trường kinh tế - xã hội đi ngược lại mục tiêu hay không phù hợp với các mục tiêu dân số để có thể điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp.

## 2.3. Về hệ thống biện pháp của chính sách dân số hiện nay

---

<sup>4</sup> Xem: Đinh Quang Thoãn: *Kế hoạch hoá và các chính sách về lao động*. Sách nghiệp vụ ủy ban Kế hoạch nhà nước. Hà Nội 1991, trang 32

Hoang Xuân Quyên: *Dân số và các kế hoạch phát triển*. Tài liệu Trung tâm dân số - nguồn lao động Bộ lao động, Thương binh và xã hội.

Giảm mạnh tỷ lệ phát triển tự nhiên dân số là mục tiêu quan trọng nhất của chính sách dân số nước ta hiện nay. Con đường duy nhất để đạt được mục tiêu này là giảm mức sinh, giảm số con trung bình của phụ nữ. "Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có 2 con" đã được nêu lên từ lâu như một mục tiêu của chương trình kế hoạch hóa gia đình - một bộ phận của chính sách dân số của Việt Nam và cần hiểu đó là một chỉ tiêu bình quân. Trong xã hội, cũng có những cặp vợ chồng không có con hoặc chỉ có một con thì cũng có thể có một số cặp vợ chồng có 3 thậm chí bốn con, nhưng bình quân lại thì mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có hai con. Để đạt được mục tiêu quan trọng nhất này, dưới đây xin trình bày một số suy nghĩ về biện pháp của chính sách dân số có thể áp dụng ở nước ta.

Trên thế giới để giảm mức sinh, hạ tỷ lệ phát triển dân số, đã có nhiều kinh nghiệm, nhiều biện pháp tác động đến quá trình sinh. Ở nước ta, chúng tôi kiến nghị một số biện pháp cấp bách và có khả năng thực tế ở Việt Nam hiện nay. Một cách tương đối có thể phân các biện pháp thành 4 nhóm như sau:

- Nhóm các biện pháp kinh tế - xã hội
- Nhóm các biện pháp tuyên truyền - giáo dục
- Nhóm các biện pháp hành chính - pháp luật
- Nhóm các biện pháp tổ chức - kỹ thuật.

### 2.3.1 Các biện pháp kinh tế - xã hội

Cần ưu tiên đầu tư cho chính sách dân số như bất kỳ lĩnh vực then chốt trọng yếu nào trong nền kinh tế quốc dân. Đầu tư sản xuất và nhập khẩu nhanh nhất những kỹ thuật tránh thai tiên tiến của thế giới. Các dụng cụ tránh thai cần bán chứ không cho không (có thể với giá rẻ). Nhưng cần thưởng cho những người thực hiện tốt việc sinh đẻ có kế hoạch một số tiền lớn hơn số tiền đã mua dụng cụ tránh thai.

Nhiều địa phương nước ta đang sử dụng hệ thống "thưởng - phạt" bằng tiền và hiện vật đối với cá nhân và tập thể, căn cứ vào kết quả thực hiện mục tiêu dân số của họ. Tuy là biện pháp kinh tế nhưng "thưởng phạt" chỉ có thể và cũng chỉ nên dừng ở mức độ ý nghĩa giáo dục, nhắc nhở. Vì vậy cùng một mức "thưởng - phạt" trong năm không nên thưởng một lần cho hết mà nên chia mức đó cho từng quý, từng tháng, tác dụng nhắc nhở, giáo dục sẽ lớn hơn. Chúng tôi cho rằng sự phát triển dân số nước ta phụ thuộc chặt chẽ vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nhưng trước mắt, tác động của chính sách kinh tế đến các quá trình dân số là vô cùng to lớn. Xóa bỏ bao cấp về kinh tế, trong lĩnh vực dân số là trả lại cặp vợ chồng trách nhiệm chịu mọi chi phí nuôi, dạy, chữa bệnh, đào tạo nghề, tìm việc làm cho con cái họ. Sự phát triển số dân ở nông thôn đang quyết định quá trình tăng dân số của cả nước. Ở đây, ruộng đất là tư liệu sản xuất chính và không thể thay thế được của nông dân. Vì vậy nó hoàn toàn có thể được sử dụng như một phương tiện mạnh mẽ, hữu hiệu trong việc điều khiển hành vi sinh đẻ. Chúng tôi đề nghị phân phối quyền sử dụng ruộng đất trên cơ sở chỉ tính mỗi cặp vợ chồng 2 con, chứ không phải trên cơ sở diện tích ruộng đất bình quân đầu người của địa phương. Tương tự như vậy, trong việc phân phối nhà ở. Một cách tổng quát, cần thiết có cơ chế phân phối lợi ích thì tính theo đơn vị gia đình, phân phối nghĩa vụ thì theo đầu người.

Như vậy "Mỗi cặp vợ chồng 2 con" không chỉ là mục tiêu mà còn là cơ sở để tính toán, xử lý các vấn đề kinh tế khác. Rõ ràng, ở đây cần có sự phối hợp giữa các nhà vạch chính sách kinh tế và các nhà vạch chính sách dân số.

Xã hội nước ta là xã hội có nhiều hệ thống tổ chức chặt chẽ. Hầu như ai cũng đứng trong một tổ chức xã hội nào đó. Điều này thuận lợi cho việc triển khai các chính sách dân số. Đảng bộ Hà Nội có hướng dẫn quy định: coi việc thực hiện mục tiêu dân số là tiêu chuẩn xem xét tư cách đảng viên và kết nạp đảng viên mới. Cụ thể là: đảng viên đẻ con thứ 3 phải khiển trách hoặc cảnh cáo; nếu đẻ con thứ 4 phải cảnh cáo hoặc khai trừ. Thiết nghĩ, dân số là vấn đề cấp bách chung của cả nước, cần tuyên truyền cho mọi thành viên trong xã hội ngay từ thời niên thiếu đã có ý thức về vấn đề lớn lao này.

Nâng cao trình độ văn hóa của toàn dân, đặc biệt là của phụ nữ, đưa phụ nữ tham gia vào quá trình sản xuất xã hội và các hoạt động xã hội khác là yếu tố quan trọng giảm tỷ lệ sinh. Tổ chức tốt quỹ Bảo trợ góp phần làm

yên lòng mọi người không con, ít con hoặc chỉ có con gái, sẽ góp phần xóa bỏ tâm lý thích đông con và nhất thiết phải có con trai. Cần có hình thức động viên, nâng cao danh dự người mẹ 1 đến 2 con, chẳng hạn cấp bằng danh dự người mẹ kiểu mẫu . . . Ở Trung Quốc, người mẹ một con được quyền ưu tiên khi gửi con vào nhà trẻ, lúc vào bệnh viện, trong phân phối nhà ở. Còn "con một" được miễn đi đến vùng xa xôi hẻo lánh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, ưu tiên phân công công tác sau khi tốt nghiệp đại học; hai vợ chồng có một con, hàng tháng nhận một số tiền bằng 10% mức lương trung bình ở nước này cho đến khi con 14 tuổi. Ở Liên Xô (cũ), Mông Cổ, ngoài nhiều ưu tiên, ưu đãi những bà mẹ tích cực thực hiện mục tiêu dân số của quốc gia còn được thưởng huy chương, huân chương.

### 2.3.2. Các biện pháp tuyên truyền - giáo dục

Các quá trình dân số: sinh, tử, kết hôn liên quan đến mọi người, mọi gia đình và do từng người quyết định hành vi dân số của mình. Trong xã hội bao giờ cũng có lớp người đang trong kỳ sinh sản, lớp người sắp bước vào kỳ sinh sản, do vậy việc tuyên truyền, giáo dục về dân số phải mang tính chất phổ thông liên tục. Để hình thành ý thức mới về dân số phải làm cho mọi người dân hiểu tình hình dân số nước ta hiện nay, phải soi sáng mối quan hệ dân số và kinh tế, dân số và môi trường; dân số với vấn đề sức khỏe nòi giống; dân số và các vấn đề xã hội khác.

Tuyên truyền để mọi người hiểu biết mục tiêu, các biện pháp của chính sách dân số, hiểu được gia đình quy mô nhỏ là có ích nước lợi nhà.

Muốn tuyên truyền, giáo dục dân số có hiệu quả cao, đương nhiên cần có tri thức dân số. Điều này đòi hỏi phải xây dựng và phát triển khoa học dân số, phải thường xuyên tiến hành những cuộc nghiên cứu thực nghiệm nhằm phát hiện kịp thời những vấn đề thực tiễn nảy sinh, giải đáp trúng những băn khoăn của quần chúng.

Có nội dung khoa học nhưng biện pháp hình thức tuyên truyền phải phong phú, đơn giản và dễ chịu. Thí dụ, không nên viết những khẩu hiệu: "Hạ mức tăng dân số xuống 1,7%" vì nó khó hiểu đối với người dân bình thường và người ta không thấy rõ nhiệm vụ cụ thể của họ là thế nào để đạt được mục tiêu đó. Khẩu hiệu "Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có 2 con" ở đây là thích hợp hơn. Cần coi trọng hình thức văn nghệ của tuyên truyền

Giáo dục dân số nhất thiết phải được tiến hành trong những năm cuối ở trường phổ thông, trong quân đội, các trường trung học và đại học, đặc biệt với thanh niên nông thôn. Hàng năm chúng ta nên tổ chức ngày dân số Việt Nam để mọi người có dịp suy nghĩ sâu sắc hơn về hành vi dân số của mình và tình hình dân số của đất nước. Công tác kế hoạch hóa gia đình xưa nay được hiểu như là sự chủ động từ phía Nhà nước, có tính áp đặt, bắt buộc. Để có sức lôi cuốn, hấp dẫn quần chúng, nên bổ sung thêm nội dung "bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em" vào kế hoạch hóa gia đình. Và khẩu hiệu "Đề bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có 2 con" sẽ có sức thuyết phục cao hơn.

Cuối cùng, sự quan tâm của các vị lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng và Nhà nước đến vấn đề dân số thể hiện qua các bài nói, bài viết chắc chắn sẽ có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền giáo dục ý thức dân số cho công dân trong lĩnh vực dân số, nâng cao trách nhiệm của các cấp lãnh đạo.

### 2.3.3. Nhóm các biện pháp hành chính - pháp luật

Luật hôn nhân và gia đình ảnh hưởng lớn đến các quá trình dân số. Trước hết đó là việc quy định tuổi kết hôn.

Nhiều nước đang phát triển rút ra kết luận: Nâng cao tuổi kết hôn là yếu tố quan trọng để giảm tỷ lệ sinh. Tuy luật nước ta quy định nam 20 tuổi, nữ 18 tuổi có thể kết hôn nhưng nên khuyến khích nam 25 tuổi, nữ 22 tuổi hãy xây dựng gia đình. Khi làm hợp đồng tuyển chọn lao động cũng ưu tiên những người thực hiện tốt mục tiêu dân số và nên đưa vào hợp đồng điều khoản: chỉ đẻ tối đa 2 con. Vi phạm hợp đồng sẽ bị sa thải.

Luật pháp nước ta ủng hộ kế hoạch hóa gia đình, cho phép sản xuất, mua bán, sử dụng các phương tiện tránh thai, cho phép nạo thai và triệt sản. Cần cho phép tư nhân và các hội quần chúng tham gia hoạt động trong lĩnh vực này.

Chính sách dân số cần đẩy mạnh và tăng cường hơn để đến năm 2000, sự phát triển số dân nước ta đạt tới

chất lượng mới, thực hiện hoàn toàn mục tiêu Hội đồng Bộ trưởng đề ra. Nếu mục tiêu đề ra từ 1981 (mỗi cặp vợ chồng có 2 con cách nhau 5 tuổi) không thực hiện được trong khoảng 15-20 năm thì có thể coi chính sách dân số không có tác dụng gì.

#### 2.3.4. Nhóm các biện pháp tổ chức - kỹ thuật

Khai thác nhanh nhất, triệt để nhất thành tựu y học trong nước và thế giới trong việc hạn chế sinh. Phải coi đây là một trong những lĩnh vực kỹ thuật hàng đầu.

Hiện nay, các biện pháp tránh thai ở ta quá nghèo nàn, 50% đến 70% số người tránh thai chỉ dùng biện pháp đặt vòng; khu vực nông thôn, tỷ lệ này còn cao hơn<sup>(5)</sup>.

Tất cả các biện pháp kinh tế - xã hội, hành chính - pháp luật, tuyên truyền - giáo dục mới tác động đến ý thức dân số của công dân. Các biện pháp kỹ thuật mới có tác động cuối cùng đến hành vi dân số của họ. Vì vậy đây là biện pháp quan trọng trong tiến hành quản lý sự phát triển dân số.

Thị trường hóa phương tiện tránh thai, tổ chức tốt hệ thống bán lẻ phương tiện này, sử dụng marketing xã hội trong kế hoạch hóa gia đình... đang là các biện pháp tổ chức hữu hiệu thực hiện chính sách dân số.

Việc thay đổi các tham số đặc trưng cho quá trình sinh nói riêng và toàn bộ các quá trình dân số nói chung diễn ra trên lãnh thổ rộng lớn. Vì vậy ở mỗi địa phương nhỏ người ta ít cảm nhận được hiểm họa tổng cộng của nó đối với toàn bộ quốc gia. Điều đó đòi hỏi phải kiên trì, phải liên tục và kiên quyết thực hiện chính sách dân số mới có thể đạt được những mục tiêu mong muốn.

---

<sup>5</sup> Số liệu từ điều tra tại đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung năm 1991.